

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BUÔN ĐƠN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 25/2021/DSST

Ngày 30/6/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Thu; ông Y Đưng Knul.

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Tr - Sinh năm 1980

Trú tại: Thôn 04, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B – sinh năm 1982

Trú tại: 151/27 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O – Sinh năm 1987

Trú tại: Thôn 06, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Đình Ng – Sinh năm 1982

Trú tại: Thôn 06, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- *Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021 của bà Nguyễn Thị Thu Tr.***

***Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:***

Ngày 09/6/2020 bà Nguyễn Thị Thu Tr cho bà Nguyễn Thị Kim O, trú tại thôn 06, xã C, huyện B mượn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 11/10/2020.

Ngày 25/6/2020 bà Tr tiếp tục cho bà O mượn 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 25/8/2020. Tổng cộng bà Trang cho bà O mượn hai lần là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), hai bên có lập giấy mượn tiền và ký xác nhận. Đến hạn trả nợ bà Tr đã nhiều lần yêu cầu bà O thanh toán nợ nhưng bà O khất hết lần này đến lần khác, cố tình không trả nợ.

Nay bà B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Đình Ng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) nợ gốc và không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Bà B yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

**- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:** Tôi và chị Nguyễn Thị Thu Tr là chị em họ với nhau, nên thường hay gặp gỡ trao đổi với nhau, chị Tr nói với tôi có ai vay thì đưa dùm để chị kiểm thêm đồng lãi, nên ngày 09/6/2020 tôi có mượn chị Tr số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn trả là ngày 11/10/2020.

Ngày 25/6/2020 tôi mượn tiếp số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), thời hạn trả là ngày 25/8/2020.

Tổng cộng là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), hai bên có lập giấy mượn tiền và ký xác nhận. Số tiền tôi mượn của chị Tr về mục đích đưa cho chị Lại Thị M và anh Hồ Đức H vay, nên tôi đã nhận số tiền của chị Tr để đưa cho chị M và anh H vay, tôi đã nộp giấy mượn tiền của chị M và anh H cho Tòa án. Tôi đã đưa cho chị Tr được 02 tháng tiền lãi, sau đó chị M và anh H tuyên bố vỡ nợ, trốn khỏi địa phương nên tôi không còn khả năng để trả nợ cho chị Tr.

Số tiền tôi mượn của chị Tr là để đưa cho chị M và anh H vay lại, không sử dụng trong gia đình, chồng tôi anh Tạ Đình Ng cũng không biết, tôi sẽ có trách nhiệm trả số nợ trên cho chị Tr, nên chồng tôi không liên quan đến việc tôi mượn tiền của chị Trang.

Nay chị Nguyễn Thị Thu Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn xem xét giải quyết buộc tôi có nghĩa vụ trả cho chị Tr số nợ gốc 300.000.000 đồng thì tôi đồng ý trả nợ, nhưng do tôi mượn tiền của chị Tr về đưa cho chị M vay lại và hiện nay chị M đã bỏ đi khỏi địa phương không trả nợ cho tôi nên tôi xin hẹn đến ngày 20/12/2021 sẽ trả hết toàn bộ số nợ trên cho chị Tr.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tạ Đình Ng trình bày:** Tôi là chồng của chị Nguyễn Thị Kim O, còn chị Tr với tôi là chị em họ với nhau (chị em bạn dì), trong quá trình làm ăn giữa vợ tôi và chị Nguyễn Thị Thu Tr, trú tại thôn 04, xã C, huyện B thỏa thuận đưa tiền vợ tôi cho người khác vay lấy lãi như thế nào tôi hoàn toàn không biết, vợ tôi cũng không nói cho tôi biết là có mượn tiền của chị Tr về đưa lại cho người khác vay, không sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình và trong giấy mượn tiền cũng không có chữ ký của tôi.

Nay chị Nguyễn Thị Thu Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn giải quyết buộc vợ chồng tôi có nghĩa vụ trả cho chị Tr số tiền 300.000.000 đồng, thì tôi không đồng ý. Số tiền này là chị Tr thỏa thuận cho vợ tôi mượn để cho người khác vay lại, tôi không biết việc vay mượn tiền giữa hai người nên không liên quan đến vấn đề trả nợ.

Đối với số tiền nợ của chị Tr là do cô O vợ tôi mượn nên vợ tôi sẽ có trách nhiệm trả, chỗ chị em bạn dì với nhau nên tôi sẽ đôn đốc vợ có nghĩa vụ trả nợ cho chị Tr.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/5/2021 các đương sự đã thống nhất được với nhau về thời gian và phương thức trả nợ, nên Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành, nhưng sau đó đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin thay đổi ý kiến về phiên hòa giải ngày 27/5/2021. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét giấy mượn tiền lập ngày 09/6/2020 và ngày 25/6/2020 giữa bà Nguyễn Thị Thu Tr và bà Nguyễn Thị Kim O thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy giấy mượn tiền lập ngày 09/6/2020 và ngày 25/6/2020 giữa bà Nguyễn Thị Thu Tr và bà Nguyễn Thị Kim O là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội,

được thể hiện bằng văn bản giấy mượn tiền; bà Trang cho O mượn hai lần tổng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Đến hạn trả nợ nhưng bà O không trả, mặc dù bà Tr đã nhiều lần đòi nợ nhưng không được, như vậy bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét thấy trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu Tr yêu cầu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tạ Đình Ng chồng bà O có nghĩa vụ cùng với bà Nguyễn Thị Kim O trả nợ cho bà Tr.

Trong quá trình Tòa án giải quyết ông Tạ Đình Ng không đồng ý cùng với bà O trả nợ cho bà Tr, ông Ng cho rằng bà O mượn tiền của bà Tr làm gì ông không biết, không sử dụng vào mục đích chung trong gia đình, hơn nữa bà Tr cũng không nói cho ông biết việc vợ ông là bà O có mượn tiền của bà Tr. Sau khi bà Tr đòi nợ bà O thì ông mới biết có việc mượn tiền giữa hai người, ông tìm hiểu thì mới biết vợ ông mượn tiền của bà Tr, đưa cho bà Lại Thị M và ông Hồ Đức H mượn lại, hiện nay bà M và ông H trốn nợ bỏ đi khỏi địa phương không trả nợ cho bà O nên bà O không có tiền trả cho bà Tr.

Hội đồng xét xử nhận thấy bà Nguyễn Thị Kim O mượn tiền của bà Nguyễn Thị Thu Tr về cho người khác mượn lại, không sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình, ông Tạ Đình Ng không biết nên không có cơ sở buộc ông Ng có nghĩa vụ cùng với bà O trả nợ cho bà Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất: Xét thấy bà Nguyễn Thị Thu Tr không yêu cầu tính lãi suất nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr được chấp nhận nên bà Tr không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Xét thấy bà Nguyễn Thị Kim O có đơn xin giảm án phí và được UBND xã C xác nhận nên Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ khoản 1 Điều 13, Điều 14 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận giảm ½ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim O.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Khoản 1 Điều 13, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Tr đề nghị ông Tạ Đình Ng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng với bà O trả nợ cho bà Tr.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim O phải nộp 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu Tr 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0002651 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

“ Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk,
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Vinh Tuấn**